

# **Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020



# Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 33



# Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 5800000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 4 tháng 1 năm 2000 và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 23 ngày 10 tháng 7 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 604/TB-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; và xuất nhập khẩu thuốc, dược liệu.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Xuân Hương	Chủ tịch
Ông Võ Bình	Phó chủ tịch
Bà Vũ Thu Mươi	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Thắng	Thành viên
Bà Nguyễn Hoài Thùy Dung	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Ái	Trưởng ban
Ông Vũ Lê Cương	Thành viên
Bà Bùi Thị Thanh Hòa	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Chương	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2020
Ông Lê Thiết Bảo	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2020
Ông Lê Thế Vũ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Hiền Trung	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Giám Đốc Tài Chính	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Chương	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2020
Ông Lê Thiết Bảo	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2020

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Chương  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Số tham chiếu: 61280354/21920618-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar ("Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Phạm Thị Cẩm Tú  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2266-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>160.600.425.645</b>	<b>178.729.221.478</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>24.315.455.212</b>	<b>28.283.162.369</b>
111	1. Tiền		6.315.455.212	10.283.162.369
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.000.000.000	18.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>37.054.231.633</b>	<b>55.225.434.858</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	33.785.050.615	53.292.948.846
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	963.474.037	958.507.190
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.305.706.981	973.978.822
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>97.736.338.319</b>	<b>94.620.636.300</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	97.736.338.319	94.620.636.300
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.494.400.481</b>	<b>599.987.951</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.494.400.481	599.987.951
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>98.097.795.785</b>	<b>106.074.656.706</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>237.260.000</b>	<b>203.760.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		237.260.000	203.760.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>89.051.590.637</b>	<b>94.988.285.321</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	84.542.770.153	90.728.235.083
222	Nguyên giá		168.250.008.078	168.159.535.351
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(83.707.237.925)	(77.431.300.268)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.508.820.484	4.260.050.238
228	Nguyên giá		6.425.654.000	5.949.554.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.916.833.516)	(1.689.503.762)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>472.891.228</b>	<b>495.389.410</b>
231	1. Nguyên giá		1.124.909.177	1.124.909.177
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(652.017.949)	(629.519.767)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>148.457.000</b>	<b>148.457.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		148.457.000	148.457.000
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
253	1. Đầu tư vào đơn vị khác		5.000.000	5.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>8.182.596.920</b>	<b>10.233.764.975</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	8.182.596.920	10.233.764.975
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>258.698.221.430</b>	<b>284.803.878.184</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>178.226.456.005</b>	<b>191.126.950.535</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>165.506.447.968</b>	<b>175.627.365.926</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	48.661.820.796	59.856.121.212
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.686.991.776	1.603.767.464
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.344.410.632	7.428.255.273
314	4. Phải trả người lao động		3.393.529.430	4.626.268.223
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.692.354.636	9.381.372.883
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	720.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.570.750.918	1.251.999.050
320	8. Vay ngắn hạn	18	105.108.293.697	90.679.285.738
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		48.296.083	80.296.083
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>12.720.008.037</b>	<b>15.499.584.609</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	2.020.730.000	2.123.230.000
338	2. Vay dài hạn	18	7.788.931.216	9.980.412.392
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	19	2.910.346.821	3.395.942.217
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>80.471.765.425</b>	<b>93.676.927.649</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>79.584.035.425</b>	<b>92.746.768.931</b>
411	1. Vốn cổ phần		78.299.580.000	78.299.580.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		78.299.580.000	78.299.580.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(320.000)	(320.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.079.988.006	14.079.988.006
421	4. Lỗ lũy kế		(12.795.212.581)	367.520.925
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế (lỗ lũy kế) đến cuối kỳ trước		367.520.925	(7.579.945.856)
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(13.162.733.506)	7.947.466.781
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>887.730.000</b>	<b>930.158.718</b>
431	1. Nguồn kinh phí		887.730.000	930.158.718
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>258.698.221.430</b>	<b>284.803.878.184</b>

*hnh*

*hnh*



*hnh*

Trần Thị Hiền  
Người lập

Trương Thị Ngọc Hiền  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2020



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	121.913.689.805	182.258.900.324
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	(2.277.388.170)	(1.168.885.533)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	119.636.301.635	181.090.014.791
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(100.267.485.551)	(146.936.992.677)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.368.816.084	34.153.022.114
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		462.574.136	313.097.702
22	7. Chi phí tài chính	23	(3.504.725.472)	(2.417.120.535)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(3.500.778.785)	(2.415.311.459)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(20.654.019.112)	(31.664.936.712)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(9.014.572.114)	(7.287.270.319)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.341.926.478)	(6.903.207.750)
31	11. Thu nhập khác		435.742.177	66.201.920
32	12. Chi phí khác		(216.517.890)	(5.598.923)
40	13. Lợi nhuận khác		219.224.287	60.602.997
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(13.122.702.191)	(6.842.604.753)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(40.031.315)	-
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(13.162.733.506)	(6.842.604.753)
70	17. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	20.5	(1.681)	(874)
71	18. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	20.5	(1.681)	(874)

Trần Thị Hiền  
Người lập

Trương Thị Ngọc Hiền  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(13.122.702.191)</b>	<b>(6.842.604.753)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		6.040.170.197	5.357.650.019
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.951.075)	(13.311.136)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(420.525.246)	(143.766.916)
06	Chi phí lãi vay	23	3.500.778.785	2.415.311.459
<b>08</b>	<b>(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(4.006.229.530)</b>	<b>773.278.673</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		18.137.703.225	(5.039.775.079)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(3.115.702.019)	3.651.018.108
11	Giảm các khoản phải trả		(29.307.166.438)	(21.318.530.188)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.156.755.525	(2.838.506.660)
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.173.199.469)	(2.355.614.706)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	3.843.029.890	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(74.428.718)	(452.700.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(16.539.237.534)</b>	<b>(27.580.829.852)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(90.472.727)	(1.955.933.785)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		420.525.246	143.766.916
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>330.052.519</b>	<b>(1.812.166.869)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay nhận được	18	70.274.268.346	116.994.245.323
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(58.036.741.563)	(92.510.338.229)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>12.237.526.783</b>	<b>24.483.907.094</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(3.971.658.232)	(4.909.089.627)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		28.283.162.369	10.385.926.449
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.951.075	13.311.136
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	24.315.455.212	5.490.147.958



Trần Thị Hiền  
Người lập



Trương Thị Ngọc Hiền  
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Chương  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 5800000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 4 tháng 1 năm 2000 và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 23 ngày 10 tháng 7 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 604/TB-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; và xuất nhập khẩu thuốc, dược liệu.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 334 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 320).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy tính.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa và thành phẩm - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 – 30 năm
Máy móc thiết bị	3 – 20 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
Quyền sử dụng đất	32 – 42 năm
Phần mềm máy tính	3 – 5 năm

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư góp vào các đơn vị khác*

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.11 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam và được sử dụng cho đầu tư khoa học, công nghệ tại Việt Nam. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Phần trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Hao mòn của tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm vào số dư quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Khi tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chuyển sang phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, giá trị còn lại của tài sản được ghi giảm vào số dư quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đồng thời được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Khi tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản các tài sản trên (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

#### 3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

#### 3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty.

Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về hàng hóa và dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế và một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

#### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tiền mặt	506.394.500	245.212.000
Tiền gửi ngân hàng	5.809.060.712	10.037.950.369
Các khoản tương đương tiền (*)	18.000.000.000	18.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.315.455.212</u></b>	<b><u>28.283.162.369</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng có thời hạn gốc một tháng và hưởng lãi suất 4%/năm. Khoản tiền gửi này đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn như được trình bày tại *Thuyết minh số 18*.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Ánh Phượng	7.866.000.000	7.866.000.000
Công ty TNHH Indico	5.774.461.779	6.501.409.150
Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng	2.073.697.558	4.541.735.519
Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng II	1.544.942.061	3.612.691.348
Trung tâm Y tế Di Linh	1.449.812.867	3.955.898.700
Khác	15.076.136.350	26.815.214.129
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>33.785.050.615</u></b>	<b><u>53.292.948.846</u></b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Ánh Bảo Đạt	420.090.000	420.090.000
Khác	543.384.037	538.417.190
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>963.474.037</u></b>	<b><u>958.507.190</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Thuế Giá trị Gia tăng chưa khấu trừ	1.345.315.265	628.528.669
Tạm ứng	715.650.696	-
Khác	244.741.020	345.450.153
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.305.706.981</u></b>	<b><u>973.978.822</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Thành phẩm	50.636.174.058	37.123.276.551
Hàng hóa	23.710.471.986	34.896.486.036
Nguyên liệu, vật liệu	19.995.182.506	18.765.650.611
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.027.572.332	3.106.703.259
Công cụ, dụng cụ	243.344.022	282.911.518
Hàng gửi đi bán	113.036.915	131.858.790
Hàng mua đang đi đường	10.556.500	313.749.535
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>97.736.338.319</u></b>	<b><u>94.620.636.300</u></b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê mặt bằng	967.758.216	-
Công cụ, dụng cụ	136.989.637	225.537.152
Chi phí bảo trì và sửa chữa	68.065.687	233.684.067
Khác	321.586.941	140.766.732
	<u>1.494.400.481</u>	<u>599.987.951</u>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí thuê	2.359.797.178	2.412.896.038
Công cụ, dụng cụ	2.001.944.686	3.018.785.476
Chuyển giao công nghệ	1.344.444.454	2.257.030.489
Chi phí bảo trì và sửa chữa	1.163.074.712	1.474.896.167
Chi phí đầu tư ban đầu nhà máy Phú Hội	553.636.354	616.044.859
Khác	759.699.536	454.111.946
	<u>8.182.596.920</u>	<u>10.233.764.975</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.676.997.401</u></b>	<b><u>10.833.752.926</u></b>

## Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	62.112.130.926	92.221.818.987	13.387.601.483	437.983.955	168.159.535.351
Mua mới trong kỳ	-	-	-	90.472.727	90.472.727
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	62.112.130.926	92.221.818.987	13.387.601.483	528.456.682	168.250.008.078
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	6.468.075.296	21.467.568.136	3.886.080.211	206.818.500	32.028.542.143
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	(23.182.231.990)	(46.524.263.403)	(7.434.539.629)	(290.265.246)	(77.431.300.268)
Khấu hao trong kỳ	(1.822.479.753)	(3.813.006.891)	(615.826.592)	(24.624.421)	(6.275.937.657)
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	(25.004.711.743)	(50.337.270.294)	(8.050.366.221)	(314.889.667)	(83.707.237.925)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	38.929.898.936	45.697.555.584	5.953.061.854	147.718.709	90.728.235.083
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	37.107.419.183	41.884.548.693	5.337.235.262	213.567.015	84.542.770.153
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 18)	27.822.679.076	9.754.476.745	4.099.200.081	-	41.676.355.902

Như được trình bày trong Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	4.285.284.000	1.664.270.000	5.949.554.000
Mua mới trong kỳ	-	476.100.000	476.100.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>4.285.284.000</u>	<u>2.140.370.000</u>	<u>6.425.654.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	153.763.777	255.900.000	409.663.777
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	(938.354.651)	(751.149.111)	(1.689.503.762)
Hao mòn trong kỳ	(54.366.090)	(172.963.664)	(227.329.754)
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>(992.720.741)</u>	<u>(924.112.775)</u>	<u>(1.916.833.516)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>3.346.929.349</u>	<u>913.120.889</u>	<u>4.260.050.238</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>3.292.563.259</u>	<u>1.216.257.225</u>	<u>4.508.820.484</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 18)</i>	3.292.563.259	-	3.292.563.259

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	VND
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>1.124.909.177</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	(629.519.767)
Khấu hao trong kỳ	(22.498.182)
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>(652.017.949)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>495.389.410</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>472.891.228</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 18)</i>	472.891.228

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ** (tiếp theo)

Như được trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp nhà cửa và vật kiến trúc để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	993.109.092	277.309.090
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	22.498.182	44.760.762

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2020. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế giá trị thị trường, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty Cổ phần Traphaco	5.322.381.063	5.262.353.964
Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	5.111.531.401	3.146.516.750
Khác	38.227.908.332	51.447.250.498
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>48.661.820.796</u></b>	<b><u>59.856.121.212</u></b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Coduphar	784.817.179	-
Công ty TNHH Dược phẩm Thành Đạt	375.859.159	375.859.159
Khác	526.315.438	1.227.908.305
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.686.991.776</u></b>	<b><u>1.603.767.464</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Thuế giá trị gia tăng	2.882.472.963	1.405.372.316	(3.162.166.776)	1.125.678.503
Thuế thu nhập cá nhân	738.309.798	1.635.829.001	(2.159.452.597)	214.686.202
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.802.998.575	40.031.315	(3.843.029.890)	-
Thuế khác	4.473.937	298.309.512	(298.737.522)	4.045.927
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.428.255.273</u></b>	<b><u>3.379.542.144</u></b>	<b><u>(9.463.386.785)</u></b>	<b><u>1.344.410.632</u></b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Lương tháng 13	1.943.604.988	4.100.000.000
Chi phí bán hàng	395.031.471	1.420.725.873
Chi phí lãi vay	327.579.316	12.356.899
Khác	1.026.138.861	3.848.290.111
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.692.354.636</u></b>	<b><u>9.381.372.883</u></b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	483.919.560	280.563.560
Trung tâm Khuyến công Tỉnh Lâm Đồng	225.000.000	225.000.000
Cổ tức phải trả	89.663.784	89.663.784
Khác	772.167.574	656.771.706
	<u>1.570.750.918</u>	<u>1.251.999.050</u>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	547.500.000	550.000.000
Trung tâm Khuyến công Tỉnh Lâm Đồng	250.000.000	350.000.000
Khác	1.223.230.000	1.223.230.000
	<u>2.020.730.000</u>	<u>2.123.230.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.591.480.918</u></b>	<b><u>3.375.229.050</u></b>



# Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 18. CÁC KHOẢN VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>				VND
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	54.796.323.386	70.274.268.346	(55.095.260.387)	69.975.331.345
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 18.2)	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 18.3)	4.382.962.352	2.191.481.176	(2.191.481.176)	4.382.962.352
Vay từ một tổ chức khác đến hạn trả (Thuyết minh số 18.4)	1.500.000.000	-	(750.000.000)	750.000.000
	90.679.285.738	72.465.749.522	(58.036.741.563)	105.108.293.697
<b>Dài hạn</b>				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.3)	9.980.412.392	-	(2.191.481.176)	7.788.931.216
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>100.659.698.130</b>	<b>72.465.749.522</b>	<b>(60.228.222.739)</b>	<b>112.897.224.913</b>

### 18.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
VND				
69.975.331.345	Từ ngày 6 tháng 8 năm 2020 đến ngày 30 tháng 3 năm 2021	5,5 - 6,5	Bổ sung vốn lưu động	Nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (Thuyết minh số 10, 12) và hợp đồng tiền gửi kỳ hạn một tháng (Thuyết minh số 4)

# Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 18. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

### 18.2 Vay ngắn hạn từ bên liên quan

Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
VND				
<u>30.000.000.000</u>	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	6,5	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim – Công ty mẹ				

### 18.3 Vay ngân hàng dài hạn

Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
VND				
<u>12.171.893.568</u>	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2020 đến ngày 23 tháng 7 năm 2024	9,5 - 10	Mua sắm máy móc, thiết bị cho nhà máy Phú Hội	Máy móc thiết bị tại nhà máy Phú Hội (Thuyết minh số 10)
<u>7.788.931.216</u>				
<u>4.382.962.352</u>				
Trong đó:				
Vay dài hạn				
Nợ dài hạn đến hạn trả				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

**18.4 Vay từ một tổ chức khác**

Chi tiết các khoản vay từ tổ chức khác nhằm mục đích được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm		
Quỹ Đầu tư và Phát triển Tỉnh Lâm Đồng	<u>750.000.000</u>	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2020 đến ngày 6 tháng 10 năm 2020	5,5	Mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất thuốc từ dược liệu	Máy móc thiết bị tại nhà máy Phú Hội (Thuyết minh số 10)
Trong đó:					
Nợ dài hạn đến hạn trả	750.000.000				
Vay dài hạn	-				

**19. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Ngày 1 tháng 1	3.395.942.217	4.322.028.863
Sử dụng quỹ	<u>(485.595.396)</u>	<u>(459.839.194)</u>
Ngày 30 tháng 6	<u>2.910.346.821</u>	<u>3.862.189.669</u>

# Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 20.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
					VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	78.299.580.000	(320.000)	14.079.988.006	(7.579.945.856)	84.799.302.150
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(6.842.604.753)	(6.842.604.753)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	78.299.580.000	(320.000)	14.079.988.006	(14.422.550.609)	77.956.697.397
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	78.299.580.000	(320.000)	14.079.988.006	367.520.925	92.746.768.931
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(13.162.733.506)	(13.162.733.506)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	78.299.580.000	(320.000)	14.079.988.006	(12.795.212.581)	79.584.035.425

### 20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 30 tháng 6 năm 2019
Vốn cổ phần	78.299.580.000	78.299.580.000
		VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.3 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Căn cứ danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 731/2020-LDP/VSD-ĐK tại ngày 22 tháng 5 năm 2020 và không có thay đổi cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2020:

	Vốn điều lệ đã góp tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	
	Số tiền (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	40.047.480.000	51,15
Bà Nguyễn Ánh Kim Trang	24.958.730.000	31,88
Khác	13.293.370.000	16,97
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78.299.580.000</b>	<b>100,00</b>

**20.4 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Cổ phiếu được phép phát hành	7.829.958	7.829.958
Cổ phiếu đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	7.829.958	7.829.958
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) Cổ phiếu phổ thông	(32)	(32)
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	7.829.926	7.829.926

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**20.5 Lỗ trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Lỗ thuần sau thuế (VND)	(13.162.733.506)	(6.842.604.753)
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lỗ thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	(13.162.733.506)	(6.842.604.753)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	7.829.926	7.829.926
Lỗ cơ bản và lỗ suy giảm (VND/cổ phiếu)	(1.681)	(874)

(\*) Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty chưa có kế hoạch phân chia quỹ khen thưởng, phúc lợi. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 260/2020/NQ-ĐHCĐ/LDP ngày 23 tháng 6 năm 2020, Công ty không trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>121.913.689.805</b>	<b>182.258.900.324</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>86.702.243.981</i>	<i>122.715.522.825</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>34.218.336.732</i>	<i>59.266.068.409</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>993.109.092</i>	<i>277.309.090</i>
<b>Hàng bán bị trả lại</b>	<b>(2.277.388.170)</b>	<b>(1.168.885.533)</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>(184.666.365)</i>	<i>(524.620.646)</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>(2.092.721.805)</i>	<i>(644.264.887)</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>119.636.301.635</u></b>	<b><u>181.090.014.791</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>86.517.577.616</i>	<i>122.190.902.179</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>32.125.614.927</i>	<i>58.621.803.522</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>993.109.092</i>	<i>277.309.090</i>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Giá vốn hàng hóa	79.418.767.946	111.230.682.522
Giá vốn thành phẩm	20.826.219.423	35.661.549.393
Giá vốn dịch vụ cung cấp	22.498.182	44.760.762
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>100.267.485.551</u></b>	<b><u>146.936.992.677</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí lãi vay	3.500.778.785	2.415.311.459
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.946.687	1.809.076
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.504.725.472</u></b>	<b><u>2.417.120.535</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	11.913.598.803	14.993.957.332
Chi phí marketing và quảng cáo	2.859.125.041	4.981.107.090
Chi phí đi thuê	1.138.351.805	1.521.016.261
Chi phí vận chuyển, bốc vác hàng	806.116.757	1.618.838.092
Chi phí khác	3.936.826.706	8.550.017.937
	<u>20.654.019.112</u>	<u>31.664.936.712</u>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	5.892.370.801	4.309.879.412
Chi phí khác	3.122.201.313	2.977.390.907
	<u>9.014.572.114</u>	<u>7.287.270.319</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>29.668.591.226</u></b>	<b><u>38.952.207.031</u></b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Hàng hóa bán ra trong kỳ	79.418.767.946	111.230.682.522
Chi phí nguyên vật liệu	32.622.644.144	42.402.317.972
Chi phí nhân công	28.908.922.726	31.266.604.680
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.429.206.702	8.567.357.790
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.033.460.015	4.799.445.825
Chi phí khác	5.548.289.144	14.640.403.371
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>160.961.290.677</u></b>	<b><u>212.906.812.160</u></b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Ngoài ra, đối với dự án Phú Hội, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20%, Công ty được miễn thuế TNDN cho các hoạt động kinh doanh trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2015), và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN được áp dụng trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	<u>40.031.315</u>	<u>-</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b><u>(13.122.702.191)</u></b>	<b><u>(6.842.604.753)</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(2.624.540.438)	(1.368.520.951)
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	753.242.247	100.252.334
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	40.031.315	-
Cổ tức được chia	-	(28.000.000)
Lỗ thuế	<u>1.871.298.191</u>	<u>1.296.268.617</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>40.031.315</u></b>	<b><u>-</u></b>

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của Công ty khác với thu nhập (lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.3 Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 31.739.333.779 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 22.382.842.826 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm/kỳ phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế		Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019	Không được chuyển lỗ	VND
						Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020
2018	2023	18.679.847.832	(*)	-	-	18.679.847.832
2019	2024	3.702.994.994	(**)	-	-	3.702.994.994
Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	2025	9.356.490.953	(**)	-	-	9.356.490.953
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>31.739.333.779</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.739.333.779</b>

(\*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế cho năm 2018.

(\*\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho số lỗ thuế lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 nêu trên do Công ty không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	Công ty mẹ	Vay Lãi vay	- 972.327.000	20.000.000.000 60.548.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 18.2)</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	<u>30.000.000.000</u>	<u>30.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Lương và thưởng	<u>4.210.970.000</u>	<u>2.403.521.000</u>

**28. THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**28.1 Thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Dưới 1 năm	1.561.172.032	1.214.858.400
Từ 1 đến 5 năm	1.721.607.020	2.081.927.600
Trên 5 năm	<u>2.325.710.691</u>	<u>867.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.608.489.743</u></b>	<b><u>4.163.786.000</u></b>

**28.2 Cho thuê hoạt động**

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Dưới 1 năm	1.974.432.000	2.116.464.000
Từ 1 đến 5 năm	8.211.600.000	8.343.300.000
Trên 5 năm	<u>2.508.000.000</u>	<u>3.300.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.694.032.000</u></b>	<b><u>13.759.764.000</u></b>

**29. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	<u>7.058,45</u>	<u>1.250,55</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Trần Thị Hiền  
Người lập



Trương Thị Ngọc Hiền  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Số: 370./LDP

(V/v: Giải trình lợi nhuận 6 tháng  
đầu năm 2020 sau soát xét)

Đà Lạt, ngày 13 tháng 08 năm 2020

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC (SSC)  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)  
- CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty Cổ Phần Dược Lâm Đồng – Ladophar xin giải trình lợi nhuận sau báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2020:

Nội dung	Báo cáo tài chính sau soát xét 6 tháng đầu năm 2020	Báo cáo tài chính sau soát xét 6 tháng đầu năm 2019	Ghi chú
Doanh thu thuần	119.636.301.635	181.090.014.791	
Giá vốn	100.267.485.551	146.936.992.677	
<b>Lãi gộp</b>	<b>19.368.816.084</b>	<b>34.153.022.114</b>	
Chi phí bán hàng	20.654.019.112	31.664.936.712	
Chi phí quản lý	9.014.572.114	7.287.270.319	
Chi phí tài chính	3.504.725.472	2.417.120.535	
Các khoản thu nhập khác	681.798.423	373.700.699	
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(13.122.702.191)</b>	<b>(6.842.604.753)</b>	

- Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2020 giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do các nguyên nhân:

+ Công ty bị ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp của virus corona gây ra, các mặt hàng sản xuất của Ladophar(trà, TPCN...) không phải là mặt hàng thiết yếu trong giai đoạn phòng chống dịch bệnh này, do đó doanh thu giảm mạnh. Doanh thu bán hàng trong 6 tháng đầu năm 2020 chỉ bằng 66% so cùng kỳ.

+ Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 của Chính phủ, trong thời gian giãn cách xã hội, các nhà máy sản xuất của Ladophar đã dừng hoạt động gần 02 tháng từ tháng 4/2020.

Đây là những nguyên nhân chính dẫn đến Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2020 giảm so với cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ Phần Dược Lâm Đồng – Ladophar kính trình .

**Nơi nhận**

- Như trên
- Lưu TCKT



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Chương